

• VIETNAMESE • 베트남 요리 •
• MÓN VIỆT NAM • 越南美食 •



VIETNAMESE BROKEN RICE

쫄개진 쌀밥 정식

CƠM TẮM VIỆT NAM

越式豬扒飯

280.000



**HANOI-STYLE GRILLED PORK
AND VERMICELLI NOODLE**

하노이 분짜

BÚN CHẢ HÀ NỘI

河內風味烤豬肉檬粉

280.000



SILKEN TOFU WITH BLACK PEPPER SAUCE

흑후추 소스 연두부

ĐẬU HŨ NON SỐT TIÊU ĐEN

黑胡椒嫩豆腐

260.000



BEEF NOODLE SOUP

소고기 쌀국수

PHỞ BÒ

越式牛肉湯河粉

240.000



**FRESH SPRING ROLL
WITH PICKLED SHRIMP**

새우 보송롤

GỎI CUỐN TÔM BÔNG

海鮮春捲

160.000



**GREEN MANGO SALAD
WITH DRIED BEEF**

육포 그린망고 샐러드

GỎI XOÀI XANH TRỘN KHÔ BÒ

青芒果拌牛肉乾

160.000



SQUARE CRAB SPRING ROLLS

게 사각 스프링롤

CHẢ GIÒ CUA

蟹肉春捲

240.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• ASIAN • 아시아의 •
• MÓN Á • 亞洲的 •



NASI LEMAK

말레이시아 전통 나시르막

CƠM DỪA TRUYỀN THỐNG MÃ LAI

椰漿飯

280.000



MALAYSIAN SEAFOOD LAKSA

말레이시아식 해산물 카레 국수

BÚN CARI HẢI SẢN MÃ LAI

馬來西亞海鮮叻沙

260.000



PAD THAI

태국식 볶음 쌀국수

PHỞ XÀO KIỂU THÁI

泰式炒河粉

260.000



**PAD KRAPOW MOO SAAP KAI DAO
STIR-FRIED MINCED PORK
WITH THAI HOLY BASIL AND FRIED EGG**

태국식 다진 돼지고기 덮밥

CƠM THỊT HEO BẦM XÀO HÚNG QUẾ THÁI

KÈM TRỨNG ỚP LA

泰式風味打拋豬肉飯

260.000



TONKOTSU RAMEN

일본식 돈코츠 라멘

MÌ RAMEN THỊT BA CHỈ HẦM KIỂU NHẬT

豬骨拉麵

260.000



UNAGI DON - RICE WITH GRILLED EEL

장어구이 덮밥 - 우나기 돈

CƠM LƯƠN NƯỚNG KIỂU NHẬT

日式蒲燒鰻魚飯

320.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• ASIAN • 아시아의 •
• MÓN Á • 亞洲的 •



BAK KUT TEH

뻥튀기

CANH SƯỜN HEO

THẢO MỘC

肉骨茶

280.000



SEAFOOD HOR FUN

해산물 쌀국수

PHỞ XÀO HẢI SẢN

KIẾU QUẢNG ĐÔNG

海鮮河粉

260.000



**KATSUDON - RICE
WITH CRISPY PORK
CUTLETS**

가츠동 - 바삭한 돈까스와 밥

CƠM VỚI THỊT HEO CHIÊN GIÒN

豬排丼 - 酥脆豬排配白飯

280.000



NASI GORENG

인도네시아식 볶음밥

CƠM CHIÊN KIẾU IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

印尼炒飯

280.000



GYOZA

야끼교자

SỦI CÀO NHẬT

餃子

140.000



EDAMAME

에다마메

ĐẬU NÀNH NHẬT

毛豆

80.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyên dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• CANTONESE BBQ • 광동식 바비큐 •
• MÓN QUAY QUẢNG ĐÔNG • 粵式燒烤 •

**CHOICE OF TWO BBQ (ROASTED PORK
ROASTED DUCK / PORK CHAR SIU)**

3가지 로스트 메뉴 중 2가지 선택 (바삭한 돼지고기 / 오리 구이 / 차슈)
CHỌN 2 TRONG 3 MÓN QUAY (HEO QUAY / VỊT QUAY / XÁ XÍU)

三款燒味任選兩款 (燒肉 / 燒鴨 / 叉燒)

300,000

ADD MORE BBQ

ROSTED PORK / ROASTED DUCK
PORK CHARSIU

바비큐 삼겹살 / 오리구이 / 차슈

HEO QUAY DA GIÒN / VỊT QUAY / XÁ XÍU

燒肉 / 燒鴨 / 叉燒

160,000

SZECHUAN-STYLE
BRAISED PORK KNUCKLE

사천식 족발 조림

GIÒ HEO KHO KIỂU TỨ XUYỀN

四川風味紅燒豬蹄

180,000

**HAINANESE
CHICKEN RICE**

하이난 치킨 라이스

CƠM GÀ HẢI NAM

新加坡海南雞飯

280.000



**CANTONESE ROASTED
DUCK WITH RICE**

광동식 오리 구이

CƠM VỊT QUAY QUẢNG ĐÔNG

粵式燒鴨

280.000



**SZECHUAN-STYLE BRAISED PORK
KNUCKLE SERVED WITH RICE**

사천식 돼지족발 조림 덮밥

GIÒ HEO HẦM KIỂU TỨ XUYỀN

DỪNG KÈM CƠM TRẮNG

四川紅燒豬腳飯

280.000



PORK CHAR SIU WITH RICE

차슈 돼지고기 덮밥

CƠM THỊT HEO XÁ XÍU

叉燒飯

280,000



**ROASTED PORK BELLY
WITH RICE**

바삭한 돼지고기 덮밥

CƠM BA CHỈ QUAY GIÒN DA

燒豬肉飯

280.000



WONTON NOODLES WITH BBQ PORK

차슈 완탕면

MÌ HOÀNH THÁNH XÁ XÍU

叉燒雲吞麵

260.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• INDIAN • 인도의 •
• MÓN ẨM ĐỘ • 印度的 •

ALL FOOD IS SERVED WITH BASMATI RICE

모든 음식은 바스마티 쌀밥과 함께 제공됩니다

TẤT CẢ CÁC MÓN ĂN ĐƯỢC PHỤC VỤ KÈM CƠM BASMATI

所有餐點均附巴斯馬蒂米飯



KADAI PANEER
WOK-COOKED
COTTAGE CHEESE

카다이 파니르

PHÔ MAI ẮN XÀO CHẢO VỚI GIA VỊ

卡代起司

280.000



VEJ JALFREJI - MIXED
VEGETABLE STIR-FRIED IN SPICY
TOMATO SAUCE

베지터블 잘프레지

RAU CỦ XÀO SỐT CÀ CHUA CAY

什錦蔬菜炒 JALFREZI

180.000



YELLOW DAL TADKA
TEMPERED YELLOW
LENTILS

옐로 달 타드카

ĐẬU LẮNG VÀNG TADKA

黃扁豆塔卡

180.000



CHICKEN TIKKA MASALA

치킨 티카 마살라

CÀ RI GÀ KIỂU ẤN

VỚI SỐT MASALA

瑪薩拉烤雞咖喱

260.000



LAMB CURRY

양고기 커리 (인도식)

CÀ RI CỪU

羊肉咖喱

320.000



FISH CURRY

생선 커리

CÀ RI CÁ

魚肉咖喱

300.000



CHICKEN BIRYANI

인도식 향신료 밥

CƠM GIA VỊ KIỂU ẤN

VỚI THỊT GÀ

雞肉比里亞尼飯

260.000



PRAWN MASALA

새우 마살라

TÔM SỐT

GIA VỊ MASALA

瑪薩拉蝦

280.000



PLAIN PARATHA

플레인 파라타

BÁNH MÌ PARATHA

TRUYỀN THỐNG

原味帕拉塔餅

120.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyến dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• WESTERN • 양식 •
• MÓN ÂU •西餐•



ANGUS BEEF BURGER, CHEDDAR CHEESE, BACON, ONION, BRIOCHE BUN

앵거스 비프 버거

BURGER BÒ ANGUS

安格斯牛肉漢堡, 切達乾酪, 培根 洋蔥, 奶油蛋捲麵包

320.000



BRATWURST HOT DOG, WITH FERMENTED CABBAGE, MUSTARD, KETCHUP

브라트부어스트 핫도그, 발효 양배추, 머스타드 & 케첩

BÁNH MÌ KẸP XÚC XÍCH ĐỨC, BẮP CẢI,

MÙ TẠC, SỐT CÀ CHUA

烤香腸熱狗, 發酵高麗菜, 芥末醬和番茄醬

260.000



PORK SCHNITZEL, POTATO, BROCCOLINI, PICKLED ONION

돈가스, 으깬 감자, 브로콜리, 피클 양파

THỊT HEO CHIÊN XÙ, KHOAI TÂY,

BÔNG CẢI XANH, HÀNH NGÂM

炸豬排, 土豆, 西蘭花, 醃洋蔥

260.000



FRENCH FRIES

프렌치프라이

KHOAI TÂY CHIÊN

炸薯條

120.000

PIZZA | 피자 | PIZZA | 披薩



PIZZA 4 CHEESES, MOZZARELLA, BRIE, BLUE CHEESE, CHEDDAR

가지 치즈 피자 (모짜렐라, 브리, 블루치즈, 체다) (채식)

PIZZE 4 LOẠI PHÔ MAI: MOZZARELLA, BRIE,

BLUE CHEESE, CHEDDAR

四種起司披薩, 馬蘇里拉起司, 布里起司, 藍紋乳酪, 切達起司

300.000



ROASTED DUCK PIZZA

구운 오리 피자

PIZZA VỊT QUAY

北京烤鴨披薩

320.000



HAWAIIAN PIZZA

하와이안 피자 (햄과 파인애플)

PIZZA THỊT NGUỘI

VỚI THƠM

夏威夷披薩

300.000



PIZZA MARGHERITA, FRESH BASIL, EVO OIL

토마토 치즈 피자

PIZZA CÀ CHUA PHÔ MAI

瑪格麗特披薩, 新鮮羅勒 橄欖油

280.000



Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyên dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜

• WESTERN • 양식 •
• MÓN ÂU •西餐•

PASTA | 파스타 | MÌ Ý | 義大利麵



**PENNE FUME' PASTA WITH SMOKED BACON,
TOMATO SAUCE, HEAVY CREAM**

펜네 퓨메 파스타. 훈제 베이컨, 토마토 소스, 헤비 크림

NUI SỐT KEM CÀ CHUA & BA CHỈ XÔNG KHÓI

番茄奶油醬培根筆管麵

280.000



**SPAGHETTI
WITH BOLOGNESE**

볼로네제 스파게티

MÌ Ý BÒ BẦM

肉醬意粉

280.000



**MAC & CHEESE - BAKED MACARONI
WITH MUSHROOM, GRUYÈRE, PARMESAN CHEESE**

맥앤치즈. 구운 마카로니, 버섯, 그뤼에르 치즈와 파마산 치즈

NUI SỐT KEM NẤM PHŨ PHÔ MAI

焗烤蘑菇起司通心粉

280.000



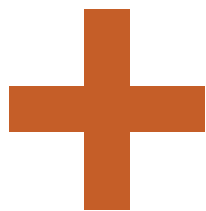
Spicy | 매콤함
Món cay | 辛辣



Chef's Recommendation | 셰프 추천 메뉴
Đầu bếp khuyên dùng | 廚師推介



Vegetarian | 비건 메뉴
Món Chay | 素菜



TOPPING

토피ング | CÁC LOẠI TOPPING | 加料

15,000

CHEESE FOAM (45gm)

치즈폼

KEM CHEESE

奶蓋

PEARL (30gm/scoop)

타피오카 펄

TRÂN CHÂU

珍珠

ALOE VERA JELLY (30gm/scoop)

알로에 베라 젤리

THẠCH LÔ HỘỊ

蘆薈果凍

3Q SEA JELLY

3Q 씨젤리

TRÂN CHÂU TRẮNG

白珍珠

HERBAL JELLY

허브 젤리

THẠCH SƯƠNG SÁO

仙草

FRESH JUICE

주스 | NƯỚC ÉP TƯƠI | 果汁

FRESH COCONUT 120,000

신선한 코코넛 | NƯỚC ÉP DỪA TƯƠI | 鮮椰子水

ORANGE 120,000

오렌지 | NƯỚC ÉP CAM TƯƠI | 鮮榨橙

APPLE 120,000

사과 | NƯỚC ÉP TÁO TƯƠI | 鮮榨蘋果

CARROT 120,000

당근 | NƯỚC ÉP CÀ RỐT TƯƠI | 鮮榨胡蘿蔔

PINEAPPLE 120,000

파인애플 | NƯỚC ÉP THƠM TƯƠI | 鮮榨菠蘿

WATERMELON 120,000

수박 | NƯỚC ÉP DỪA HẦU TƯƠI | 鮮榨西瓜

HEALTHY JUICE

헬시 주스 | NƯỚC ÉP TỐT CHO SỨC KHỎE | 健康果汁

PURE CLEANSE 퓨어 클렌즈 | GIẢI ĐỘC CƠ THỂ | 芭樂青萍 120,000

GUAVA, GREEN APPLE | 구아바, 청사과
ỔI, TÁO XANH | 芭樂、青蘋果

REBALANCING 리밸런싱 | CÂN BẰNG DINH DƯỠNG | 橙色樂園 120,000

CELERY, GREEN APPLE, CARROT | 셀러리, 청사과, 당근
CẦN TÂY, TÁO XANH, CARROT | 芹菜, 青蘋果, 紅蘿蔔

MATCHA

말차 | TRÀ XANH MATCHA | 抹茶

MATCHA COCONUT CLOUD 130,000

코코넛 말차 | NƯỚC DỪA KEM TRÀ XANH | 椰子水抹茶

MATCHA LATTE 85,000

말차 라떼 | TRÀ XANH SỮA TƯƠI | 抹茶拿鐵

STRAWBERRY MATCHA LATTE 80,000

딸기 말차 라떼 | TRÀ XANH DÂU TÂY SỮA TƯƠI | 草莓抹茶拿鐵

BLEND MATCHA SALTED CREAM 80,000

말차 솔티드 크림 블렌드 | TRÀ XANH ĐÁ XOAY KEM MUỐI | 鹹奶蓋抹茶冰沙

CENTELLA

스페셜 병풀 주스 | RAU MÁ ĐẶC BIỆT | 特別的積雪草

MUNG BEAN CENTELLA 80,000

또는 센텔라 주스 | RAU MÁ ĐẬU XANH | 积雪草汁

COCONUT CREAM CENTELLA 80,000

코코넛 병풀 라떼 | RAU MÁ CỐT DỪA | 椰奶积雪草汁

CENTELLA JUICE 60,000

또는 센텔라 주스 | NƯỚC ÉP RAU MÁ | 积雪草汁

SMOOTHIES

스무디 | SINH TỐ | 冰沙

M

L

MANGO YOGURT SMOOTHIES 80,000 90,000

망고 요거트 스무디 | SINH TỐ SỮA CHUA XOÀI | 芒果酸奶冰沙

STRAWBERRY SMOOTHIES 80,000 90,000

딸기 요거트 스무디 | SINH TỐ SỮA CHUA DÂU TÂY | 草莓優格冰沙

ICE BLENDED

스무디 | ĐÁ XAY | 冰沙

M

L

RED DRAGON FRUITE 65,000 75,000

레드 드래곤 푸르트 | HỒNG LONG TUYẾT | 紅火龍果冰沙

COCONUT COFFEE 65,000 75,000

코코넛 커피 | CAFE DỪA ĐÁ XAY | 椰子咖啡冰

CHEESE FOAM

치즈우유캡 시리즈 | KEM CHEESE | 芝士奶盖系列

M

L

CHEESE OOLONG TEA 60,000 70,000

치즈 우롱티 | TRÀ OLONG KEM CHEESE | 芝士烏龍茶

BUBBLE MILK TEA

진주 밀크티 | TRÀ SỮA TRÂN CHÂU | 珍珠奶茶

M

L

BROWN SUGAR BOBA FRESH MILK 70,000 80,000

흑설탕 보바 프레시 밀크 | SỮA TƯƠI TRÂN CHÂU ĐƯỜNG ĐEN | 黑糖波霸鮮奶

CREAM BRULEE BOBA MILK TEA 70,000 80,000

크림 브뤼레 보바 밀크티 | TRÀ SỮA BOBA KEM TRỨNG NƯỚNG | 焦糖波霸奶茶

BROWN SUGAR BOBA MILK TEA 65,000 75,000

흑설탕 버블 밀크티 | TRÀ SỮA TRÂN CHÂU ĐƯỜNG ĐEN | 黑糖波霸奶茶

HERBAL JELLY MILK TEA 65,000 75,000

허벌 젤리 밀크티 | TRÀ SỮA SƯƠNG SÁO | 仙草奶茶

THAI MILK TEA 55,000 65,000

타이 밀크티 | TRÀ SỮA THÁI | 泰式奶茶

MILK TEA 55,000 65,000

밀크티 | TRÀ SỮA TRUYỀN THỐNG | 傳統奶茶

SOFT DRINK & BOTTLE DRINKS

탄산음료 & 병음료 | NƯỚC NGỌT & ĐỒ UỐNG ĐÓNG CHAI | 軟性飲料與瓶裝飲品

Can / Glass

TEA KOMBUCHA STRAWBERRY HEAVEN 120,000

스트로베리 헤븐 콤부차 | NƯỚC KOMBUCHA DÂU TÂY | 草莓樂園康普茶

POCARI SWEAT 80,000

포카리 스웨트 | NƯỚC PO CA RI SWEAT | 寶礦力

MORNING RICE 70,000

모닝 라이스 (쌀 음료) | NƯỚC GẠO MORNING RICE | 米汁

SPRITE 60,000

스프라이트 | SPRITE | 雪碧

SODA 60,000

탄산수 | NƯỚC SODA | 蘇打水

COKE ZERO 60,000

코카콜라 제로 | COKE ZERO | 無糖可樂

COKE LIGHT 60,000

코카콜라 라이트 | COKE LIGHT | 健怡可樂

COKE 60,000

코카콜라 | COKE | 可樂

TEA

차 | TRÀ | 茶

RED DATES GINGER	65,000
생강 대추 TRÀ GỪNG TÁO ĐỎ 紅棗薑	
CINNAMON HONEY	65,000
시나몬 허니 티 TRÀ QUẾ MẬT ONG 桂皮蜂蜜	
APPLE CINNAMON	65,000
애플 시나몬 티 TRÀ TÁO QUẾ 蘋果肉桂	
PEPPERMINT	60,000
페퍼민트 티 TRÀ BẠC HÀ 薄荷	
MINT LEMONGRASS	60,000
민트 레몬그라스 티백 TRÀ BẠC HÀ HƯƠNG XẢ 薄荷檸檬草	
CHAMOMILE	60,000
캐모마일 티 TRÀ HOA CÚC 甘菊	
ENGLISH BREAKFAST	60,000
잉글리시 브렉퍼스트 티 TRÀ BUỔI SÁNG 英式	
JASMINE	60,000
자스민 티 TRÀ LÀI 茉莉花	
EARL GREY	60,000
얼그레이 티 TRÀ BÁ TƯỚC 伯爵	

CLASSIC COFFEE

클래식 커피 | CLASSIC COFFEE | 經典咖啡

FLAT WHITE	80,000
플랫 화이트 CÀ PHÊ SỮA TƯƠI 白咖啡	
LATTE	80,000
라떼 CÀ PHÊ LATTE 拿铁	
CAPPUCCINO	80,000
카푸치노 CÀ PHÊ SỮA CAPPUCCINO 卡布奇諾	
AMERICANO	60,000
아메리카노 CÀ PHÊ AMERICANO 美式咖啡	
DOUBLE ESPRESSO	60,000
더블 에스프레소 CÀ PHÊ ESPRESSO (GẤP ĐÔI) 双份浓缩咖啡	
ESPRESSO	50,000
에스프레소 CÀ PHÊ ESPRESSO 浓缩咖啡	

BEER

맥주 | BIA | 啤酒

TIGER CAN	80,000
타이거 맥주 캔 BIA TIGER 老虎啤酒	
LARUE CAN	70,000
라루 맥주 BIA LARUE 越南老虎啤酒	
SAIGON BEER	70,000
사이공 맥주 BIA SÀI GÒN 西貢啤酒	

VIETNAMESE COFFEE

베트남 커피 | CÀ PHÊ VIỆT NAM | 越南咖啡

FRESH MILK COFFEE WITH HERBAL JELLY 70,000

허벌 젤리가 들어간 프레스시 밀크 커피 | CÀ PHÊ SỮA TƯƠI SƯƠNG SÁO
仙草鮮奶咖啡

CREAM BRULEE VIETNAMESE MILK COFFEE 70,000

크림 브뤼레 베트남 밀크 커피 | CÀ PHÊ SỮA KEM TRÚNG NƯỚNG
焦糖越南咖啡奶

SALTED COFFEE 70,000

솔티드 커피 | CÀ PHÊ MUỐI | 海鹽咖啡

BAC XIU 70,000

박슈 | BẠC XIU | 白小

VIETNAMESE COFFEE WITH MILK 70,000

베트남 연유 커피 | CÀ PHÊ SỮA ĐÁ VIỆT NAM | 越南咖啡奶

VIETNAMESE BLACK COFFEE 70,000

베트남 블랙 커피 | CÀ PHÊ ĐEN VIỆT NAM | 越南黑咖啡

MINERAL WATER

광천수 | NƯỚC SUỐI | 礦泉水

SAN PELLEGRINO 500ML 140,000

산 펠레그리노 500ML | NƯỚC SAN PELLEGRINO 500ML | 圣培露 500ML

ACQUA PANNA 500ML 140,000

아쿠아 파나 500ML | NƯỚC ACQUA PANNA 500ML | 普娜润肤露 500ML

DASANI WATER 30,000

다사니 생수 | NƯỚC SUỐI DASANI | 達薩尼礦泉水

FRUIT TEA

과일 차 | TRÀ TRÁI CÂY | 水果茶

YAKUL PASSION TROPICAL 야쿠르트 패션 트로피컬 YAKUL CHANH DÂY NHIỆT ĐỚI 養樂多百香熱帶	80,000
LYCHEE ROSE FIZZ 리치 로즈 피즈 SODA VẢI HOA HỒNG 荔枝玫瑰氣泡飲	80,000
HONEY LEMON ALOE 허니 레몬 알로에 티 CHANH MẬT ONG LÔ HỘI 蜂蜜檸檬蘆薈	65,000
BLUEBERRY ROSE TEA 블루베리 로즈 티 TRÀ VIỆT QUẤT HOA HỒNG 藍莓玫瑰茶	65,000
STRAWBERRY LEMON TEA 딸기 레몬 티 TRÀ CHANH DÂU TÂY 草莓檸檬茶	65,000
KUMQUAT THAI TEA 금귤 타이 티 TRÀ THÁI TẮC 金桔泰國茶	65,000
ORANGE PASSION TEA 오렌지 패션 티 TRÀ CAM CHANH DÂY 橙汁百香果茶	65,000